

CHÍNH SÁCH CỦA LIÊN XÔ ĐỐI VỚI BẮC TRIỀU TIÊN (1945 - 1948)• Lê Phụng Hoàng^(*)**Tóm tắt**

Dưới tác động của mục tiêu chiến lược hàng đầu trong chính sách đối ngoại là đảm bảo an ninh quốc gia, nhà lãnh đạo Xô Viết I. Stalin đã theo đuổi một đường lối đối ngoại cứng rắn ở Bắc Triều Tiên trong những năm 1945-1948. Chính sách này giữ vai trò không nhỏ trong tiến trình chia cắt bán đảo Triều Tiên thành hai quốc gia riêng biệt: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc trong năm 1948.

Từ khóa: Bắc Triều Tiên, chính sách đối ngoại của Liên Xô, Iosif Stalin.

1. Đặt vấn đề

Sau khi Cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương kết thúc (15/8/1945), bán đảo Triều Tiên thuộc quyền chiếm đóng của hai đại cường thắng trận: phần phía Bắc vĩ tuyến 38 thuộc quyền cai quản của Liên Xô, phần phía Nam vĩ tuyến 38 thuộc quyền cai quản của Hoa Kỳ. Chế độ chiếm đóng này dù đã được minh định ngay từ đầu chỉ mang tính chất tạm thời, song ba năm sau nó lại kết thúc bằng việc bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành hai nước riêng biệt: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Triều Tiên và Hàn Quốc theo hai chế độ chính trị - xã hội xung khắc nhau. Nguyên nhân chủ yếu của diễn biến này nằm trong chính sách của hai đại cường thắng trận. Bài viết này tìm hiểu chính sách của Liên Xô đối với phần phía Bắc vĩ tuyến 38 của bán đảo Triều Tiên.

2. Các mục tiêu chiến lược và đường lối đối ngoại của Liên Xô ở Viễn Đông

Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Liên Xô được nhìn nhận như một siêu cường có địa vị ngang hàng với Hoa Kỳ trên trường quốc tế. Vị thế này của Liên Xô được tổng thống Hoa Kỳ F. Roosevelt nhìn nhận ngay trong thời chiến, ở hai hội nghị thượng đỉnh Teheran và Yalta. Chỉ có điều là vị thế siêu cường của Liên Xô được xây dựng dựa trên một nền tảng chưa thực vững chắc, vì nó chủ yếu bao gồm uy tín có gốc từ ánh hào quang chiến thắng và nhất là sức mạnh quân sự. Bù lại, cái giá phải trả cho vị thế siêu cường là những tổn thất khủng khiếp về nhân lực và vật lực. Dù tinh táo để nhận ra khiếm khuyết vừa nêu trong vị thế siêu cường, nhà lãnh đạo Xô Viết I.

Stalin đã sớm xác định ba mục tiêu chiến lược mà chính sách đối ngoại của đất nước ông phải đạt được: *an ninh quốc gia, chung sống hòa bình và cách mạng thế giới, trong đó an ninh quốc gia được đưa lên hàng ưu tiên số một.*

An ninh quốc gia được I. Stalin hiểu là Nhà nước Xô Viết sẽ không bao giờ để một cuộc chiến khác diễn ra bên trong lãnh thổ Liên Xô bằng cách xây dựng biên giới Liên Xô thành dãy trường thành kiên cố đến mức không thể bị chọc thủng bởi bất kỳ lực lượng ngoại bang nào. Yêu cầu này được I. Stalin đặt thành mục tiêu phải đạt được ở hai đường biên rất dễ bị uy hiếp: một giáp Đông Âu, và một ở Viễn Đông [7].

Hai mục tiêu chiến lược còn lại có chức năng hỗ trợ và thậm chí chỉ là phương tiện phục vụ cho nỗ lực đảm bảo mục tiêu chiến lược số một. Hỗ trợ, phục vụ như thế nào được I. Stalin xác định dựa vào kết quả phân tích của một loạt yếu tố như so sánh lực lượng (chủ yếu giữa Liên Xô và Hoa Kỳ), tình hình quốc tế, tình hình quốc nội...

Trong những năm 1945 - 1948, xuất phát từ các nhân tố như: nhu cầu tái thiết đất nước, so sánh lực lượng giữa Liên Xô và các nước Âu - Mỹ, mà trước hết là với Hoa Kỳ (nước này nắm giữ độc quyền vũ khí hạt nhân), chính sách chống Liên Xô của Hoa Kỳ chưa bộc lộ một cách rõ ràng và dứt khoát (nghĩa là không thể đảo ngược), I. Stalin theo đuổi đường lối chung sống hòa bình và không cổ vũ phong trào cách mạng thế giới (ví dụ điển hình là thái độ của Liên Xô đối với hai đảng cộng sản mạnh nhất Tây Âu là Pháp và Ý trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai).

Đường lối trên không loại trừ các hoạt động mở rộng ảnh hưởng, nếu có cơ hội. Ví dụ điển

^(*) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

hình là trường hợp Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp. Vấp phải phản ứng quyết liệt từ phía Hoa Kỳ, I. Stalin đã chọn cách ứng phó linh hoạt hơn: đó là thỏa hiệp và rút lui. Bù lại, I. Stalin tỏ ra cực kì cứng rắn và quyết không nhân nhượng ở Đông Âu, nơi so sánh lực lượng nghiêng hẳn về phía Liên Xô.

Xem xét từ góc độ của ba mục tiêu đối ngoại chiến lược nêu trên, I. Stalin xếp Đông Bắc Á vào vị trí số hai, chỉ đứng sau châu Âu. Thêm nữa, vào lúc Chiến tranh Thái Bình Dương kết thúc, phần thu hoạch của Liên Xô ở khu vực địa - chính trị này vượt xa phần đóng góp của Liên Xô vào thắng lợi cuối cùng của Đồng minh trước quân phiệt Nhật Bản. Dù chỉ tham gia cuộc chiến vào những ngày cuối cùng (ngày 9/8/1945, Liên Xô chính thức từ bỏ Hiệp ước Trung lập có giá trị 5 năm kí với Nhật Bản ngày 13/4/1941 và ra lời tuyên chiến chống Nhật Bản; ngày 10/8, Hồng quân Xô Viết khởi sự các hoạt động quân sự chống quân đội Nhật Bản; ngày 15/8, Nhật Bản chính thức đầu hàng), Liên Xô đã kịp thu hồi tất cả những quyền lợi trong vùng mà Sa hoàng Nga Nicolai II đã để mất vào tay Nhật Bản sau thảm bại 1905.

Phải trả giá rất đắt cho những thu hoạch ở châu Âu, nhưng hầu như chẳng mất gì cho những thu hoạch ở Đông Bắc Á, I. Stalin rất đỗi tự hào với thành tích này, nhất là khi nó đưa ông lên địa vị cao hơn Sa hoàng Nga. Đồng thời, I. Stalin không loá mắt, mà vẫn đủ sáng suốt để nhận ra rằng lực lượng ở Viễn Đông của Liên Xô dù không nhỏ, vẫn kém xa Hoa Kỳ. Thêm nữa, quan hệ không thực thân thiện với Mao Trạch Đông, nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã khiến I. Stalin thờ ơ với mục tiêu thúc đẩy phong trào cách mạng ở Trung Quốc. Thay vào đó, ông chọn phương sách đảm bảo an ninh quốc gia và những quyền lợi vừa thu hoạch được bằng chính sách chung sống hòa bình với Hoa Kỳ trong khu vực. Vậy là Hiệp ước Hữu nghị, Đồng minh và Tương trợ Trung - Xô được kí với chính phủ Tưởng Giới Thạch ngày 14/8/1945, thay cho chính sách hỗ trợ phong trào cách mạng ở Trung Quốc do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

3. Đường lối chung và chính sách của Liên Xô đối với Triều Tiên trước và trong Hội nghị Potsdam

Đường lối chung của Liên Xô đối với Triều Tiên về cơ bản không khác với đường lối đối với Trung Quốc: đảm bảo an ninh quốc gia Xô Viết bằng chính sách chung sống hòa bình. Nằm sát cạnh biên giới Liên Xô, bán đảo Triều Tiên được I. Stalin đánh giá là có thể được dùng làm bàn đạp phục vụ cho một cuộc tiến công xâm lược nhắm vào Liên Xô xuất phát từ Nhật Bản được sự hỗ trợ của Hoa Kỳ vốn đang chiếm đóng phần phía Nam của bán đảo [6, tr. 28-29]. Theo suy nghĩ của Stalin, tình hình ở Triều Tiên ngầm chứa những nguy cơ chiến tranh nhiều hơn ở Đức. Bởi Triều Tiên là một lãnh thổ được giải phóng, do vậy không chịu sự chi phối của quy chế phi quân sự hóa. Vì lẽ này, Hoa Kỳ có thể vũ trang cho Triều Tiên, rồi sử dụng Nhật Bản như là tay sai mượn đường Triều Tiên xâm lăng Liên Xô. Do vậy, một nước Triều Tiên độc lập, thoát khỏi thân phận là lãnh thổ bị sáp nhập vào Nhật Bản là yêu cầu trước mắt của Liên Xô⁽¹⁾. Tại Hội nghị thượng đỉnh Yalta, nơi các đại cường Đồng minh Liên Xô, Hoa Kỳ và Anh bàn thảo kế hoạch tổ chức lại thế giới thời hậu chiến, I. Stalin tán đồng ý tưởng của F. Roosevelt về một *ché độ ủy trị chung* (joint trusteeship) mà ông này dự định áp dụng ở Triều Tiên.

Lập trường trên của chính phủ Xô Viết về Triều Tiên thay đổi dần sau tháng 2/1945 và được đúc kết trong một bản báo cáo do Vụ Viễn Đông thứ hai thuộc Dân ủy Ngoại giao soạn thảo đề ngày 29/6/1945 phục vụ cho phái đoàn Liên Xô ở Hội nghị thượng đỉnh Potsdam sẽ diễn ra trong các ngày 17/7 - 2/8/1945. Báo cáo đưa ra các ý kiến sau:

“Nhật Bản phải bị loại trừ vĩnh viễn khỏi Triều Tiên, vì một Triều Tiên dưới sự cai trị của Nhật Bản sẽ là mối đe dọa thường trực đến vùng Viễn Đông của Liên Xô”.

“Nền độc lập của Triều Tiên phải đủ hiệu quả để ngăn ngừa Triều Tiên không bị biến thành bàn đạp cho mọi hoạt động xâm lăng chống Liên Xô trong tương lai, không chỉ xuất phát từ Nhật Bản,

mà còn từ bất kỳ cường quốc nào khác có mưu toan gây sức ép lên Liên Xô từ phía Đông. Sự đảm bảo vững chắc nhất cho tương lai của Triều Tiên và an ninh của Liên Xô ở phía Đông là việc thành lập mối quan hệ hữu nghị và gắn bó giữa Liên Xô và Triều Tiên. Điều này phải được phản ánh trong tiến trình thành lập một chính phủ Triều Tiên trong tương lai”.

“Ảnh hưởng chính trị và kinh tế của Nhật Bản ở Triều Tiên phải bị triệt tiêu. Nhật Bản chỉ được buôn bán với Triều Tiên trên cơ sở của một mối quan hệ bình thường; Nhật Bản không được hưởng ưu đãi nào về công nghiệp lẫn những ưu đãi khác”.

“Liên Xô tất nhiên phải được dự phần vào chế độ ủy trị ở một vị thế ưu đãi”. [6, tr. 62-63] và [8, tr.11].

Như vậy, đường lối của chính phủ Xô Viết về Triều Tiên đã được xác định rõ ràng vào thời điểm trước thềm Hội nghị Thượng đỉnh Potsdam: không chỉ thoát khỏi hoàn toàn và vĩnh viễn ảnh hưởng của Nhật Bản, Triều Tiên còn phải thành lập một chính phủ theo đuổi đường lối đối ngoại hữu nghị và gắn bó mật thiết với Liên Xô.

Ở Hội nghị Potsdam, do vấp phải sự chống đối quyết liệt từ phía Anh, cả Liên Xô lẫn Hoa Kỳ đều không thể bàn thảo chi tiết về chế độ ủy trị ở Triều Tiên. Cuối cùng, công việc này được giao cho các bộ trưởng ngoại giao bàn bạc tiếp.

Trong bối cảnh các sự kiện diễn ra dồn dập vào những ngày cuối cùng của Đế quốc Nhật Bản, số phận chính trị của Triều Tiên bị bỏ lửng và cuối cùng được thay bằng một giải pháp quân sự vào ngày 14/8, khi Liên Xô tán thành ý kiến của Hoa Kỳ về việc phân chia bán đảo Triều Tiên thành hai vùng chiếm đóng dọc theo vĩ tuyến 38.

4. Chính sách của Liên Xô trong giai đoạn chiếm đóng (cho đến Hội nghị Moskva)

Kiểm soát phần phía Bắc bán đảo Triều Tiên, Liên Xô lập tức bắt tay thúc đẩy đường lối đã được vạch ra vào cuối tháng 6/1945: triệt tiêu hoàn toàn và vĩnh viễn ảnh hưởng của Nhật Bản, đồng thời xây dựng một quyền lực bản xứ có đường lối đối ngoại hữu nghị và gắn bó mật thiết với Liên Xô.

Phù hợp với chính sách đang theo đuổi ở Trung Quốc: giữ chặt những gì đã thu hoạch được (Hiệp ước kí ngày 14/8/1945 với chính phủ Tưởng Giới Thạch) bằng cách không xâm phạm vào những gì thuộc về Hoa Kỳ (không ủng hộ đường lối gây nội chiến của nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc - Mao Trạch Đông), Liên Xô tập trung vào nỗ lực vừa củng cố vị thế của Liên Xô trong phần lãnh thổ Triều Tiên ở phía Bắc vĩ tuyến 38 theo hướng biển miền đất này của Triều Tiên thành một lãnh thổ riêng biệt, vừa cố không xâm phạm đến vị thế của Hoa Kỳ ở phần phía Nam.

Đầu tiên, lực lượng quân sự Xô Viết chiếm đóng ngừng hoạt động chuyển giao thư từ và vận chuyển bằng đường sắt ngang qua vĩ tuyến 38, chấm dứt hoạt động chuyên chở than vào miền Nam, và thậm chí cản trở hoạt động truyền tải điện từ các nhà máy thủy điện ở miền Bắc vào miền Nam. Quyết định này được đưa ra dựa vào quan điểm rằng Liên Xô có quyền thu đoạt chiến lợi phẩm từ số của cải vật chất trên lãnh thổ bị chiếm đóng của các nước phe Trục. Bên cạnh đó, lực lượng chiếm đóng Xô Viết không cản trở người dân di chuyển từ miền Bắc vào miền Nam. Theo số liệu của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, có tất cả 1,6 triệu người Triều Tiên đã di cư xuống phía Nam vĩ tuyến 38 (0,5 vạn từ miền Bắc; 1,1 triệu từ Mãn Châu) [8, tr. 13]. Dù diễn biến này có làm cho phần lãnh thổ phía Bắc mất đi không ít lao động có tay nghề, Liên Xô vẫn cho rằng đây là một diễn biến có ý nghĩa tích cực, vì đa số người di cư là địa chủ, theo đạo Kitô hoặc từng cộng tác với Nhật Bản.

Moskva đã không muốn đối đầu với Hoa Kỳ ở Trung Quốc, thì chẳng có lí do gì để gây căng thẳng với Washington trên bán đảo Triều Tiên. Trong lúc tích cực hỗ trợ Đảng Cộng sản Triều Tiên trong công tác tái tổ chức và tuyên truyền vận động ở miền Bắc, Đảng Cộng sản Liên Xô chẳng quan tâm đến các yêu cầu khẩn thiết của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Triều Tiên (đóng ở Seoul) vốn mong muốn Liên Xô can thiệp để được chính quyền chiếm đóng Hoa Kỳ cho phép tự do hoạt động ở miền Nam. Thay vào đó, lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô

còn chỉ thị cho Đảng Cộng sản Triều Tiên hợp tác với chính quyền Hoa Kỳ, vì “vào thời điểm hiện nay, chỉ có thể vạch được đường lối chung đúng đắn bằng cách thấu hiểu vị thế quốc tế của Triều Tiên... Các quyết định của Hoa Kỳ, nước lãnh đạo phe tư bản, và của Liên Xô, quê hương của giai cấp vô sản, được bộc lộ theo cách không xung khắc nhau ở Triều Tiên” [Bài xã luận “*International Relevance of the Korean Revolution*” đăng trên báo đảng Heabang Ilbo (31/10/1945) và đã được tuyển chọn trong 5, tr. 41].

Như vậy, chính sách nói chung của Liên Xô đối với Triều Tiên trong giai đoạn chiếm đóng quân sự là khai thác các giá trị kinh tế trong phần lãnh thổ phía Bắc; nỗ lực xác lập và củng cố ảnh hưởng của Liên Xô trong phần lãnh thổ này bằng cách giúp đỡ Đảng Cộng sản Triều Tiên củng cố chỗ đứng trong sinh hoạt chính trị; tránh xâm phạm lợi ích của Hoa Kỳ trong phần lãnh thổ phía Nam.

Có một câu hỏi được đặt ra ngay trong tháng 9/1945 là vị thế của Liên Xô ở Bắc Triều Tiên sẽ ra sao, một khi thời kì chiếm đóng quân sự kết thúc (được Liên Xô dự kiến kéo dài hai năm), thời kì ủy trị chung của bốn cường quốc Liên Xô - Hoa Kỳ - Anh - Trung Quốc bắt đầu? Về viễn cảnh này, một báo cáo của Bộ Dân ủy Ngoại giao Liên Xô có nhan đề “Các ý kiến về vấn đề các thuộc địa và lãnh thổ ủy thác của Nhật Bản” đưa ra đề nghị tách đảo Cheju và các cảng Pusan và Inchon vốn được đánh giá là có ý nghĩa chiến lược thành một vùng riêng do quân đội Liên Xô kiểm soát để đổi lấy quyền kiểm soát của Hoa Kỳ đối với các khu vực chiến lược trên Thái Bình Dương [8, tr. 5].

Đề xuất trên sẽ không có cơ hội được mang ra thi hành do tình hình chính trị trên bán đảo diễn biến từ tháng 1/1946 theo chiều hướng không được cả Hoa Kỳ và Liên Xô lường trước.

5. Chính sách của Liên Xô trước và trong kì hợp thứ nhất của Ủy hội hỗn hợp Xô - Mỹ về Triều Tiên

Diễn ra ở Moskva trong các ngày 16 - 26/12/1945, Hội nghị bốn bộ trưởng ngoại giao Đồng minh (Liên Xô, Hoa Kỳ, Anh và Trung Quốc) đã đạt được một thỏa thuận chung trên cơ sở dung

hòa lập trường của Liên Xô và Hoa Kỳ: một cơ quan quyền lực ủy trị chung gồm bốn cường quốc Đồng minh (sáng kiến của Hoa Kỳ) phối hợp với Ủy hội hỗn hợp Xô - Mỹ gồm đại diện hai bộ chỉ huy lực lượng chiếm đóng (sáng kiến của Liên Xô) sẽ tham khảo các đảng phái dân chủ và tổ chức xã hội Triều Tiên để thành lập một chính phủ lâm thời dân chủ bản xứ như là bước chuẩn bị trên con đường dẫn đến một chính phủ Triều Tiên chung cho cả hai miền.

Người dân Triều Tiên, dù là theo xu hướng chính trị nào, từ cực hữu đến cực tả, đón nhận quyết định của Hội nghị Moskva bằng một thái độ cực kì giận dữ. Một viên chức quân sự Mỹ có mặt tại chỗ tường trình rằng “tâm trạng kích động của dân chúng ở Seoul chắc chỉ kém so với lúc một quả bom nguyên tử được thả xuống. Năm 1905, Nhật Bản đã chiếm đóng xứ này dưới danh nghĩa “ủy trị”. Giờ đây, cái từ kinh khủng đó tái xuất hiện; người Triều Tiên cảm thấy bị phản bội” [4, tr. 226].

Phản ứng trong dân chúng thì không khác ở cả hai miền, nhưng cách đối phó của lực lượng chiếm đóng thì không giống nhau. Trong lúc chính quyền quân sự Mỹ tỏ ra lúng túng trước tâm trạng sôi sục của người dân bản xứ, thì chính quyền quân sự Xô Viết phản ứng khôn khéo hơn nhiều: các cuộc mít ting đông đúc được tổ chức để bày tỏ sự ủng hộ đối với thỏa thuận đạt được ở Hội nghị Moskva, Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Triều Tiên đóng ở Seoul được lệnh ra một tuyên bố hoan nghênh nghị quyết của Hội nghị Moskva.

Tự miêu tả mình như người đại diện chân chính của chính phủ dân tộc Triều Tiên, Đảng Cộng sản Triều Tiên khẳng định rằng “vấn đề Triều Tiên phải được giải quyết trong tinh thần tăng cường hợp tác quốc tế và dân chủ” [8, tr. 21]. Như vậy, Đảng Cộng sản Triều Tiên tự tách ra thành lực lượng chính trị bản xứ duy nhất ủng hộ nghị quyết Moskva, giữa lúc Hội nghị hỗn hợp Xô - Mỹ diễn ra ở Seoul từ ngày 16/1 đến ngày 5/2/1946 bàn thảo kế hoạch thành lập Ủy hội hỗn hợp Xô - Mỹ về Triều Tiên (USSR - USA Joint Commission on Korea).

Sau Hội nghị, làn sóng chống đối nghị quyết Moskva tiếp tục diễn ra sôi nổi ở miền Nam, trong lúc Đảng Cộng sản Triều Tiên tiếp tục duy trì lập trường tách biệt của mình. Liên Xô đã khai thác một cách thật khôn khéo tình hình này khi Ủy hội hỗn hợp Xô - Mĩ nhóm họp từ ngày 20/3/1946 cũng ở Seoul. Trưởng đoàn Xô Viết trong Ủy hội hỗn hợp là tướng Shtykov đã phát biểu ngay tại phiên họp thứ nhất rằng Triều Tiên phải là “một nước dân chủ và độc lập thực sự, trung thành với Liên Xô, để trong tương lai nước này không trở thành căn cứ cho một cuộc tiến công nhằm vào Liên Xô” [New York Times, March 21, 1946 - Dẫn lại theo 5, tr. 26]. Ông mạnh mẽ đòi hỏi những phe nhóm “phản động và phản dân chủ” Triều Tiên nào từng chống lại nghị quyết của Hội nghị Moskva sẽ bị loại khỏi tiến trình thành lập một chính phủ dân chủ lâm thời bản xứ. Nếu đề xuất có vẻ như rất hợp lí của Liên Xô được thông qua, thì chỉ mỗi Đảng Cộng sản Triều Tiên có quyền tham dự vào tiến trình thành lập chính phủ lâm thời. Tất nhiên là phái đoàn Mĩ trong Ủy hội đã phản đối lập trường của Liên Xô và đưa ra đề xuất rằng tất cả những người Triều Tiên nào chịu thệ nguyện ủng hộ nghị quyết Moskva đều được tham khảo, cho dù họ đã từng lên tiếng phản đối nó. Giải thích cho lập trường có vẻ mâu thuẫn của mình, phái đoàn Hoa Kỳ nhấn mạnh rằng mọi người Triều Tiên đều có quyền tự do bày tỏ ý kiến cho dù đó là ý kiến chống lại bất kỳ sự dàn xếp nào liên quan đến đất nước họ, kể cả thỏa thuận đạt được ở Moskva. Phái đoàn Hoa Kỳ yêu cầu phái đoàn Xô Viết nên cho phép mọi người Triều Tiên sống trong vùng kiểm soát của Liên Xô được hưởng quyền chính trị tương tự. Do hai bên không thay đổi lập trường, ngày 8/5/1946, Ủy hội hỗn hợp đình hoãn vô thời hạn.

6. Chính sách của Liên Xô trước và sau kì họp thứ hai của Ủy hội hỗn hợp Xô - Mĩ về Triều Tiên

Ngày 26/7/1946, Chính phủ Liên Xô đã ra *Chỉ thị cho phái đoàn Xô Viết trong Ủy hội hỗn hợp Xô-Mĩ về Triều Tiên* mang chữ kí của Stalin. *Chỉ thị* nhắc lại lập trường là “Ủy hội chỉ được tham khảo ý kiến của những đảng phái và tổ chức dân

chủ nào ủng hộ hoàn toàn và không một lời bình phẩm nghị quyết của [Hội nghị] Moskva [...]. Trên cơ sở của lập trường này, phái đoàn Xô Viết phải thu được kết quả là không một nhà lãnh đạo Triều Tiên phản động nào được phép tham gia thành lập chính phủ lâm thời Triều Tiên” [6, tr. 98].

Chỉ thị quy định rõ việc phân bổ các chức vụ trong Chính phủ lâm thời dân chủ Triều Tiên như sau: các tổ chức và chính đảng Bắc Triều Tiên và các tổ chức tả khuynh của Nam Triều Tiên phải nắm các chức vụ sau trong chính phủ: thủ tướng, phó thủ tướng, bộ trưởng Nội vụ (bộ trưởng An ninh quốc gia), bộ trưởng Quốc phòng, bộ trưởng Công nghiệp, bộ trưởng Ngoại giao, bộ trưởng Nội thương và Ngoại thương, bộ trưởng Giáo dục và Tuyên truyền, bộ trưởng Lao động, bộ trưởng Buru điện và Điện tín; các chính đảng hữu khuynh Nam Triều Tiên sẽ được chia các chức sau: phó thủ tướng, bộ trưởng Nông nghiệp, bộ trưởng Giao thông và Liên lạc, bộ trưởng Tài chính, bộ trưởng Y tế, bộ trưởng Tư pháp [6, tr. 99].

Về số phận của đường ranh chạy dọc theo vĩ tuyến 38, *Chỉ thị* đưa ra quan điểm chung là việc xóa bỏ nó phụ thuộc vào việc thành lập chính phủ lâm thời. Quan điểm này được diễn đạt như sau: “Sau khi chính phủ được thành lập, nền kinh tế Triều Tiên sẽ được tái hợp thành một thực thể đơn nhất và do vậy, vĩ tuyến 38 sẽ được hủy bỏ [...]. Phái đoàn Xôviết cho rằng chấp thuận đề xuất của phái đoàn Mĩ rằng Ủy hội hỗn hợp cần giải quyết ngay vấn đề vĩ tuyến 38 sẽ đưa đến kết quả là trì hoãn việc thành lập chính phủ lâm thời dân chủ Triều Tiên và đồng thời, trì hoãn việc giải quyết các vấn đề quan trọng và cấp bách khác liên quan đến Triều Tiên” [6, tr. 99].

Chỉ thị nêu rõ một khi công việc của Ủy hội sa vào bế tắc, phái đoàn Liên Xô phải đề nghị tất cả các lực lượng quân sự chiếm đóng của nước ngoài cùng rút khỏi lãnh thổ Triều Tiên, để việc thành lập chính phủ lại cho người Triều Tiên [6, tr. 99].

Như vậy, lập trường của Liên Xô được xác định trong *Chỉ thị* xung khắc với lập trường của Hoa Kỳ ở hai điểm then chốt: *thứ nhất*, nên xóa bỏ đường phân ranh dọc theo vĩ tuyến 38 **trước khi**

(lập trường của Hoa Kỳ) hay **sau khi** (lập trường của Liên Xô) chính phủ lâm thời được thành lập; *thứ hai*, những tổ chức, chính đảng hay cá nhân thuộc loại nào được mời tham khảo ý kiến trong quá trình thành lập chính phủ lâm thời.

Xét thấy vấn đề Triều Tiên không thể được giải quyết sớm, Chính phủ Xô Viết quyết định đẩy nhanh nỗ lực kiến tạo ở Bắc Triều Tiên một chế độ chính trị - xã hội riêng biệt. Trong quãng thời gian kéo dài gần một năm giữa hai lần triệu tập của Ủy hội hỗn hợp, trên phần lãnh thổ Bắc Triều Tiên đã diễn ra một loạt biến cố mang tính chất đảo lộn: công cuộc cải cách nông nghiệp được thực hiện từ tháng 3/1946 được tiếp nối bằng chính sách quốc hữu hóa các ngành công nghiệp, tài chính, giao thông... từ tháng 8/1946; chế độ độc đảng ra đời vào tháng 8/1946 khi Đảng Cộng sản Triều Tiên kết hợp với Đảng Nhân Dân Mới thành Đảng Lao Động Triều Tiên dưới sự lãnh đạo của Kim Il Sung; Ủy ban Nhân dân lâm thời Bắc Triều Tiên được cải tên thành Ủy ban Nhân dân Bắc Triều Tiên tháng 2/1947 cũng dưới sự lãnh đạo của Kim Il Sung... Như vậy, khi Ủy hội hỗn hợp Xô - Mỹ về Triều Tiên tái nhóm từ ngày 21/5/1947, trên lãnh thổ Bắc Triều Tiên đã thành hình một thể chế chính trị - xã hội với một cấu trúc tương đối hoàn chỉnh.

Lần triệu tập thứ hai của Ủy hội hỗn hợp kéo dài từ ngày 21/5 đến ngày 18/8/1947 vừa diễn ra trong bối cảnh quan hệ giữa Liên Xô và Hoa Kỳ chuyển sang thời Chiến tranh lạnh được đánh dấu bằng một loạt các biến cố lớn nối tiếp nhau: Chủ thuyết Truman được công bố (12/3/1947), thất bại của Hội nghị bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô, Hoa Kỳ, Anh và Pháp ở Moskva (10/3 - 25/4/1947) bàn về vấn đề tái hợp nước Đức, Kế hoạch Marshall ra đời (5/6/1947), Chủ thuyết Zhdanov được công bố (22/9/1947) và Kominform được thành lập (5/10/1947), vừa không ghi nhận một thay đổi nào đáng kể trong lập trường của cả Liên Xô và Hoa Kỳ.

Chỉ thị cho phái đoàn Liên Xô đề ngày 20/5/1947 mang chữ kí của Stalin có vài chi tiết khác so với *Chỉ thị* ngày 26/7/1946. Trong phần đầu, sau khi nhắc lại lập trường trước đây là gạt

bỏ tất cả những tổ chức chính trị và xã hội nào từng lên tiếng chống lại nghị quyết của Hội nghị Moskva, *Chỉ thị* nhấn mạnh phái loại luôn khỏi tiến trình tư vấn cả những tổ chức và cá nhân nào từng hứa ủng hộ nghị quyết nhưng sau đó vẫn tiếp tục lên tiếng phản đối.

Về khả năng thống nhất kinh tế hai miền sẽ được đoàn Hoa Kỳ yêu cầu đưa vào chương trình nghị sự, đoàn Liên Xô được yêu cầu nêu rõ quan điểm rằng vấn đề “không có liên quan trực tiếp” đến nhiệm vụ trước tiên và hàng đầu mà Ủy hội được giao: đó là thành lập một chính phủ Triều Tiên. Liên Xô có thể tán thành việc hai miền tiếp tục trao đổi hàng hóa dựa vào thỏa thuận đạt được bởi các tư lệnh lực lượng quân sự chiếm đóng của hai miền.

Về thành phần chính phủ lâm thời, *Chỉ thị* xác định chính xác 75% số ghế trong chính phủ thuộc về các ứng viên cánh tả được các chính đảng và tổ chức cánh tả giới thiệu, trong đó 50% thuộc về các ứng viên miền Bắc, 25% được dành cho các ứng viên miền Nam. Riêng về các chức vụ cụ thể dành cho các ứng viên cánh tả thì không khác *Chỉ thị* ngày 26/7/1946.

Cuối cùng, *Chỉ thị* nhắc lại lập trường đã được xác định trong *Chỉ thị* trước: đó là một khi cuộc họp của Ủy hội không mang lại kết quả, đoàn Liên Xô phải đề nghị mọi lực lượng quân sự chiếm đóng phải cùng lúc rút khỏi Triều Tiên và đề vấn đề thành lập chính phủ lại cho người Triều Tiên [6, tr. 112-114].

Diễn ra trong những điều kiện trên, kì họp lần thứ hai của Ủy hội hỗn hợp không thể có số phận khác kì họp lần thứ nhất. Không đợi đến khi kì họp kết thúc, Chính phủ Hoa Kỳ quyết định đưa vấn đề Triều Tiên ra trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc sắp nhóm họp.

Ngày 14/11/1947, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua nghị quyết do Hoa Kỳ soạn thảo về việc thành lập Ủy hội lâm thời của LHQ về Triều Tiên (United Nations Temporary Commission on Korea - UNTCOK). Vấp phải sự phản đối của Liên Xô, UNTCOK chỉ có thể tổ chức cuộc bầu cử phổ thông và kín ở miền Nam vào ngày 10/5/1948.

Ngày 15/8/1948, Quốc hội ở miền Nam đã thành lập chính phủ Hàn Quốc với Syngman Rhee làm tổng thống.

Phản ứng trước diễn biến trên ở miền Nam, Liên Xô đã thực hiện động thái tương tự ở miền Bắc. Ngày 9/9/1948, Hội đồng Tối cao nhân dân Triều Tiên ra đời từ cuộc bầu cử diễn ra ngày 25/8/1945 đã bổ nhiệm Kim Il Sung làm chủ tịch CHDCND Triều Tiên. Chính phủ Liên Xô công nhận ngay lập tức Nhà nước này và bổ nhiệm tướng Shtykov, người cầm đầu phái đoàn Xô Viết ở Ủy hội hỗn hợp Xô - Mĩ làm đại sứ ở CHDCND Triều Tiên. Về phần mình, chính phủ Hoa Kỳ cũng làm một động thái tương tự với chính phủ Hàn Quốc vào ngày 1/1/1949.

Toàn bộ các diễn biến trên không nằm ngoài tính toán của Stalin. Trước đó, vào ngày 12/4/1948, ông đã gửi cho Kim Il Sung một văn kiện chứa đựng một nội dung có thể được xem như là một thứ “cố vấn chính trị”. Stalin đề nghị với người mà không lâu sau sẽ trở thành vị chủ tịch đầu tiên của CHDCND Triều Tiên những công việc sau: phải phản đối vai trò của LHQ ở Triều Tiên; kêu gọi nhân dân Nam Triều Tiên tẩy chay cuộc bầu cử riêng lẻ ở Nam Triều Tiên; hoan nghênh đề nghị của Liên Xô rút hết quân đội nước ngoài ở cả hai miền Nam và Bắc; đòi hỏi tiến hành tổng tuyển cử cùng lúc trên toàn lãnh thổ Triều Tiên sau khi binh lính nước ngoài rút hết; đồng ý để chính phủ lâm thời cai quản đất nước từ khi quân đội nước ngoài rút đi cho đến lúc chính phủ toàn Triều Tiên được chính thức thành lập dựa vào kết quả bầu cử; ủng hộ nhiệm vụ chính của chính phủ lâm thời là tổ chức tổng tuyển cử [6, tr. 124 - 125].

Văn kiện trên cho phép Stalin hiện ra trong mắt người Triều Tiên như một người cố vũ cho nỗ lực thống nhất hai miền Triều Tiên, trong lúc Hoa Kỳ phải chịu trách nhiệm về việc tạo ra một nhà nước riêng lẻ ở miền Nam. Văn kiện đồng thời không làm rõ chương ngại đầu tiên không thể vượt qua trên con đường tái hợp hai miền Triều Tiên là bất đồng giữa Hoa Kỳ và Liên Xô quanh thành phần các tổ chức chính trị và xã hội nên được tư vấn.

Sự xuất hiện hai nhà nước Triều Tiên vốn không nằm ngoài tiên liệu của Stalin chỉ càng làm tăng thêm tầm quan trọng chiến lược - quân sự của Bắc Triều Tiên trong chính sách đối ngoại của Liên Xô ở Viễn Đông. Trước hết, Liên Xô vẫn giữ lại ở miền Bắc không ít cố vấn quân sự, chuyên gia kỹ thuật quân sự và nhân viên dân sự⁽²⁾.

Ý nghĩa chiến lược của Triều Tiên đối với Liên Xô sẽ được nhìn thấy rõ hơn qua mối quan tâm đặc biệt mà Liên Xô dành cho việc khai thác quặng kim loại có tên gọi monazite vốn là một loại cát đen có chứa một lượng nhỏ *thorium*, một vật liệu phóng xạ không thể thiếu không quá trình chế tạo bom A, và cho việc xây dựng tuyến đường sắt Kraskino Primorsky trong miền Viễn Đông Liên Xô dẫn đến trạm Khonio nằm bên trong lãnh thổ CHDCND Triều Tiên. Tuyến đường sắt này được Liên Xô xem là có ý nghĩa chính trị và chiến lược trong quan hệ với Bắc Triều Tiên.

7. Kết luận

Như vậy, cho đến cuối năm 1948, vị trí của Bắc Triều Tiên trong mắt nhà lãnh đạo Xô Viết Iosif Stalin là không khác so với hồi tháng 6/1945, nghĩa là như một bàn đạp tiềm tàng cho các hoạt động xâm lược của ngoại bang nhắm vào miền Viễn Đông Xô Viết. Do chưa đủ phương tiện thành lập chính phủ hữu nghị trên cả bán đảo, chính phủ Xô Viết tạm thời bằng lòng với nỗ lực vừa nêu ở nửa phần phía Bắc, khi thúc đẩy tiến trình thành lập chính phủ CHDCND Triều Tiên như một đối trọng với chính phủ Hàn Quốc ra đời ở miền Nam. Chỉ có điều là sự chia cắt bán đảo Triều Tiên đi ngược lại nguyện vọng tha thiết của những người cộng sản Triều Tiên vốn muốn nhìn thấy đất nước được thống nhất dưới chính thể xã hội chủ nghĩa. Nguyện vọng này sẽ được họ không ngừng thúc đẩy trong những năm tháng sau đó bằng mọi cách, kể cả bằng một cuộc chiến tranh tổng lực kéo dài trong những năm 1950 - 1953./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Năm 1895, Triều Tiên trở thành khu vực thuộc ảnh hưởng của Nhật Bản sau thất bại của Trung Quốc trong cuộc chiến 1894 - 1895. Ngày 17/11/1905,

Triều Tiên trở thành thuộc địa của Nhật Bản sau thất bại của Nga trong trận chiến tranh Nga - Nhật. Ngày 29/8/1910, Tokyo ra quyết định đơn phương sáp nhập Triều Tiên thành tỉnh Chosun của Nhật Bản.

⁽²⁾ Báo cáo đề ngày 6/7/1949 mà Bộ trưởng Ngoại giao Vyshinsky nhận được từ Bộ Quốc phòng ghi rằng “phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, ở Triều Tiên có 65 tàu chiến ở cảng

Seisin, bao gồm tàu ngư lôi, tàu ngầm và các loại tàu chiến khác; hai đơn vị hải quân ở cảng Genzan và sáu ở cảng Rasin. Có 3.530 quân nhân Xô Viết, thêm 264 nhân viên dân sự. Ở các thành phố Seisin, Kanko, Ranan và Bình Nhưỡng có các nhóm nhân viên kỹ thuật, hầu hết là nhân viên liên lạc, tổng số 326 người. Thêm vào đó, có 239 cố vấn quân sự” [8, tr. 25, ct.55].

Tài liệu tham khảo

- [1]. *Cold War International History Project Bulletin*; No 4 (Fall 1994), Woodrow Wilson International Center for Scholars, Washington DC.
- [2]. Ohn Chang-II (2010), “The Causes of the Korean War, 1950-1953”, *International Journal of Korean Studies*, Vol XIV, No 2, Fall 2010.
- [3]. Chen Jian, Vojtech Mastny, Odd Arne Westad and Vladislav Zubok (1995), “Stalin’s Conversations with Chinese Leaders”, *Cold War International History Project Bulletin*, No 6-7, 5-29, Woodrow Wilson International Center for Scholars, Washington DC.
- [4]. Richard E. Lauterbach (1947), *Danger from the East*, New York: Harper and Bros.
- [5]. Chong-sik Lee (1977), *Materials on Korean Communism, 1945-1947*, Honolulu: Center for Korean Studies, University of Hawaii.
- [6]. Jongsoo James Lee (2006), *The Partition of Korea after World War II: a Global History*, New York: Palgrave Macmillan
- [7]. Vojtech Mastny (1996), *The Cold War and Soviet Insecurity: The Stalin Years*, Oxford: Oxford University Press
- [8]. Kathryn Weathersby’s (1993), *Soviet Aims in Korea and the Origins of the Korean War, 1945-1950: New Evidence from Russian Archives*, Working Paper No.8, Woodrow Wilson International Center for Scholars, Washington DC.

SOVIET POLICY TOWARD NORTH KOREA (1945 – 1948)

Summary

Under the impact of the foreign policy’s top strategic goal for the national security, the Soviet leader J. Stalin pursued a firm foreign policy in North Korea during the years 1945-1948. This policy played a certain role in dividing the Korean Peninsula into two separate states: The Democratic People’s Republic of Korea and The Republic of Korea in 1948.

Keywords: North Korea, Soviet foreign policy, Joseph Stalin.

Ngày nhận bài: 31/8/2018; Ngày nhận lại: 19/9/2018; Ngày duyệt đăng: 25/10/2018.